

VAI TRÒ CỦA UNESCO TRONG THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG HỢP TÁC ĐẾN NĂM 2030*

Chu Thị Thu Phương[&]
Trần Phương Dung[&]

Nhận bài: 15/07/2025; Nhận kết quả bình duyệt: 16/08/2025; Chấp nhận đăng: 22/09/2025

©2025 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Việt Nam kế thừa tư cách thành viên Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) từ tháng 7/1976¹. Trong 49 năm qua, UNESCO đã trở thành một trong những đối tác đa phương quan trọng, đồng hành cùng Việt Nam trong các nỗ lực xây dựng một xã hội phát triển hài hòa, bền vững, lấy con người làm trung tâm. UNESCO đã giúp Việt Nam tiếp cận nhiều ý tưởng, sáng kiến và mô hình phát triển của thế giới, góp phần hoàn thiện đường lối chính sách quốc gia và tranh thủ tối đa nguồn lực phục vụ phát triển một cách bền vững kinh tế - xã hội của đất nước. Trên nền tảng khung lý thuyết về phát triển bền vững và quản trị phát triển, đồng thời sử dụng các phương pháp nghiên cứu lịch sử, phân tích và tổng hợp, bài viết tập trung nghiên cứu về vai trò của UNESCO trong thúc đẩy phát triển bền vững tại Việt Nam, đánh giá những thành tựu nổi bật đồng thời chỉ ra một số thách thức như nguồn lực hạn chế, công tác phối hợp chưa hiệu quả, vai trò điều phối của Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, từ đó đề xuất một số định hướng hợp tác quan hệ Việt Nam và UNESCO đến năm 2030.

Từ khóa: UNESCO, phát triển bền vững, di sản, Việt Nam.

* Bài viết là sản phẩm của đề tài nghiên cứu cấp Bộ Ngoại giao “Quan hệ Việt Nam và UNESCO từ năm 1976 đến năm 2025”.

[&] Chuyên viên chính Cục Ngoại vụ và Ngoại giao văn hóa, Bộ Ngoại giao. Email: chuthuphuong88@gmail.com

¹ Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, *40 năm Việt Nam và UNESCO* (Nhà xuất bản văn hóa, 2017), 23.

Mở đầu

Sau gần nửa thế kỷ thiết lập quan hệ chính thức (1976 - 2025), UNESCO đã luôn đồng hành cùng Việt Nam từ giai đoạn phục hồi sau chiến tranh, thúc đẩy tiến trình hội nhập khu vực, quốc tế đến từng bước đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay². Với tư cách là tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc về giáo dục, khoa học, văn hóa và thông tin - truyền thông, UNESCO không chỉ hỗ trợ Việt Nam về chuyên môn, chuyên gia và tài chính, mà còn thúc đẩy hoàn thiện chính sách sâu rộng gắn với các chuẩn mực quốc tế³. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu ngày càng sâu sắc, các chương trình hợp tác giữa UNESCO và Việt Nam đã và đang đóng vai trò tích cực trong việc hiện thực hóa các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) mà Việt Nam cam kết thực hiện theo Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc (Agenda 2030).

Bên cạnh những thành tựu, quá trình hợp tác cũng gặp không ít thách thức như thiếu nguồn lực triển khai, năng lực thể chế chưa đồng đều giữa các địa phương, nhận thức chưa đầy đủ về phát triển bền vững và vai trò của UNESCO⁴. Điều này đặt ra yêu cầu cần có một đánh giá toàn diện về vai trò, tác động của UNESCO đối với tiến trình phát triển bền vững của Việt Nam, từ đó đề xuất các định hướng hợp tác hiệu quả hơn trong giai đoạn đến năm 2030 - thời điểm hoàn thành Chương trình nghị sự toàn cầu. Xuất phát từ yêu cầu đó, bài nghiên cứu này tập trung phân tích cơ sở lý luận và chính sách của UNESCO liên quan đến phát triển bền vững, điểm lại những đóng góp cụ thể của UNESCO tại Việt Nam trong các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, khoa học và thông tin - truyền thông, đồng thời chỉ ra những thách thức trong triển khai các chương trình hợp tác, từ đó đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác giữa Việt Nam và UNESCO đến năm 2030.

Khái niệm và nội hàm phát triển bền vững của UNESCO

² Lê Hoài Trung, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, *Kỷ yếu 40 năm Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam* (Nhà xuất bản thế giới, 2017), 13.

³ Lê Kinh Tài, Tổng Thư ký Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, "UNESCO - con đường hội nhập vì phát triển bền vững", *Kỷ yếu 30 năm Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam* (2007), 13.

⁴ Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, *Báo cáo tổng kết hoạt động của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024* (2024)

Phát triển bền vững là khái niệm được phổ biến rộng rãi kể từ Báo cáo năm 1987 của Ủy ban thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED), được định nghĩa là “sự phát triển đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”⁵. Trên cơ sở đó, UNESCO phát triển khái niệm phát triển bền vững như một phương thức để tạo ra những chuyển biến dài hạn trong tư duy và hành động của con người, đặc biệt là thế hệ trẻ. UNESCO nhấn mạnh rằng “Phát triển bền vững không thể đạt được chỉ bằng các thỏa thuận chính trị, các ưu đãi tài chính hay các giải pháp công nghệ. Phát triển bền vững đòi hỏi những thay đổi trong cách chúng ta suy nghĩ và hành động”⁶. Vì vậy, UNESCO coi Giáo dục vì sự phát triển bền vững (Education for Sustainable Development - ESD) là một công cụ then chốt để thúc đẩy các giá trị như công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, đa dạng văn hóa và trách nhiệm toàn cầu⁷.

Tháng 9 năm 2015, Liên hợp quốc đã nhất trí thông qua 17 Mục tiêu Phát triển bền vững⁸. Đây là một cột mốc quan trọng, đánh dấu cam kết của toàn thế giới trong việc thực hiện các mục tiêu này vào năm 2030, mở ra một chương mới cho sự phát triển bền vững toàn cầu. UNESCO là cơ quan điều phối Liên hợp quốc về Mục tiêu phát triển bền vững số 4 (SDG 4)⁹: “Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, bao trùm và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người”. Tuy nhiên, vai trò của tổ chức này không dừng lại ở giáo dục, mà trải dài trong nhiều lĩnh vực như bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên, thúc đẩy bình đẳng giới, đa dạng ngôn ngữ và quyền tiếp cận thông tin; phát triển khoa học mở và hợp tác khoa học khu vực; quyền tự do ngôn luận; tăng cường đạo đức trong công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ thần kinh. Mỗi lĩnh vực nêu trên đều có liên hệ trực tiếp với nhiều mục tiêu SDGs khác bên cạnh SDG 4 như SDG 5 (bình đẳng giới), SDG 11 (các thành phố và cộng đồng bền vững), SDG 13 (hành

⁵ United Nations Secretary General, World Commission on Environment and Development, *Report of the World Commission on Environment and Development: note by the Secretary-General* (04/8/1987), 24.

⁶ UNESCO, *Roadmap for Implementing the Global Action Programme on Education for Sustainable Development* (2014), 32.

⁷ UNESCO, Education for sustainable development. <https://www.unesco.at/en/education/education-2030/education-for-sustainable-development>.

⁸ <https://sdgs.un.org/goals>.

⁹ UNESCO, *SDG 4-Education 2030: global/regional coordination, monitoring and support*, UNESCO, Executive Board 217th (2023), 1.

động vì khí hậu), SDG 16 (hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ), và SDG 17 (quan hệ đối tác vì các mục tiêu)¹⁰.

Chiến lược trung hạn của UNESCO (C/4) giai đoạn 2022 - 2029 xác định sứ mệnh trung tâm của UNESCO là “đóng góp vào việc xây dựng hòa bình, xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững và đối thoại liên văn hóa thông qua giáo dục, khoa học, văn hóa, truyền thông và thông tin”¹¹. Chiến lược tập trung vào 04 mục tiêu chiến lược: (i) đảm bảo giáo dục chất lượng, công bằng và toàn diện đồng thời thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người; (ii) hướng tới xã hội bền vững và bảo vệ môi trường; (iii) xây dựng xã hội toàn diện, công bằng và hòa bình; (iv) xây dựng môi trường công nghệ phục vụ nhân loại¹².

Chiến lược này gắn chặt với Chương trình nghị sự 2030, theo đó khẳng định “không để ai bị bỏ lại phía sau”¹³ và thúc đẩy sự tham gia đầy đủ của thanh niên, phụ nữ và các cộng đồng yếu thế¹⁴. UNESCO cũng tích cực lồng ghép cách tiếp cận quyền con người, tiến bộ xã hội, và liên văn hóa vào các chương trình hợp tác với quốc gia thành viên, trong đó có Việt Nam.

Kinh nghiệm quốc tế của một số nước trong tăng cường hợp tác với UNESCO thúc đẩy phát triển bền vững

Trong tiến trình thúc đẩy phát triển bền vững, mỗi quốc gia đều có cách tiếp cận riêng khi hợp tác với UNESCO nhằm gắn kết các giá trị toàn cầu với chiến lược phát triển bền vững trong nước.

Anh là một trong những quốc gia có cách tiếp cận bài bản và sáng tạo trong việc khai thác tiềm năng mạng lưới các danh hiệu/di sản được UNESCO ghi danh (bao gồm khu dự trữ sinh quyển thế giới, công viên địa chất toàn cầu và di sản thế giới) nhằm phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Với 39 di sản thế giới¹⁵, 10 công viên địa chất Toàn cầu¹⁶ và 7 khu dự trữ sinh quyển thế giới¹⁷ - các khu vực di sản

¹⁰ United Nations, *Transforming our world: the 2030 Agenda for Sustainable Development*. <https://sdgs.un.org/2030agenda>.

¹¹ UNESCO, *Medium-Term Strategy for 2022-2029 (41 C/4)* (2022), 11.

¹² UNESCO, *Medium-Term Strategy for 2022-2029 (41 C/4)* (2022), 19.

¹³ UNESCO, *Medium-Term Strategy for 2022-2029 (41 C/4)* (2022), 14.

¹⁴ UNESCO, *Medium-Term Strategy for 2022-2029 (41 C/4)* (2022), 10.

¹⁵ <https://whc.unesco.org/en/list/?search=United+Kingdom&components=1&order=country>.

¹⁶ <https://www.unesco.org/en/igpp/geoparks/about>.

¹⁷ <https://www.unesco.org/en/mab/wnbr/about>.

này đóng vai trò như những “phòng thí nghiệm sống” để thử nghiệm và nhân rộng các mô hình quản trị phát triển bền vững.

Anh xác định các danh hiệu/di sản UNESCO là nền tảng hợp tác nhiều bên gồm chính quyền, cộng đồng và doanh nghiệp cùng tham gia quản trị. Trên cơ sở khảo sát, nghiên cứu trường hợp cụ thể và phân tích báo cáo định kỳ, Anh chỉ ra 05 đặc tính chung của các danh hiệu/di sản UNESCO: (i) hoạt động như đối tác nhiều bên; (ii) chia sẻ thách thức tương đồng; (iii) áp dụng cơ chế quản trị công bằng, minh bạch; (iv) có yêu cầu giám sát, báo cáo định kỳ để vừa học hỏi vừa tuân thủ chuẩn mực quốc tế; (v) huy động và lan tỏa tri thức trong các mạng lưới trong nước và quốc tế¹⁸. Đây chính là những cơ chế bảo đảm tính bền vững của các di sản. Bên cạnh đó, Anh triển khai nhiều mô hình thực tiễn, nổi bật là Dự án Thung lũng Skell (The Skell Valey Project) sử dụng bộ công cụ mô hình 05 bước (five-step toolkit)¹⁹. Mô hình năm bước gồm: bước 1 là nhận diện thách thức; bước 2 là nhận diện mục tiêu phát triển bền vững (SDGs); bước 3 là xây dựng tuyên bố tầm nhìn cho từng di sản; bước 4 là xác định các bên liên quan và bước 5 là xây dựng các dự án phù hợp. Mô hình này nhấn mạnh cách kết hợp tri thức bản địa, khoa học và cơ chế đồng quản trị nhằm vừa bảo tồn đa dạng sinh học vừa cải thiện sinh kế địa phương và từ dự án này, mô hình trở thành công cụ để nhân rộng ra các di sản khác.

Hiện nay, Anh đang triển khai dự án “Con đường UNESCO của Scotland” (Scotland’s UNESCO Trail) - một hành trình độc đáo qua 13 di sản/danh hiệu nổi bật, quảng bá di sản văn hóa phong phú, vẻ đẹp thiên nhiên và sự đổi mới của đất nước²⁰. Dự án được tài trợ bởi chính quyền Scotland và là sự hợp tác giữa Ủy ban Quốc gia UNESCO Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, VisitScotland và Scotland’s UNESCO Sites. Con đường cho phép du khách khám phá mọi thứ, từ di sản thể giới, khu dự trữ sinh quyển, đến các thành phố sáng tạo và công viên địa

¹⁸ United Kingdom National Commission for UNESCO, UNESCO sites for sustainable development, *International Conference on harnessing unesco designations for sustainable development in Viet Nam* (7/2023)

¹⁹ United Kingdom National Commission for UNESCO, UNESCO sites for sustainable development, *International Conference on harnessing unesco designations for sustainable development in Viet Nam* (7/2023)

²⁰ <https://unesco.org.uk/projects/scotlands-unesco-trail>.

chất toàn cầu đồng thời thể hiện sự quan tâm của Scotland đến các giá trị giáo dục, khoa học và văn hóa của UNESCO.

Từ kinh nghiệm của Anh, có thể rút ra bài học rằng việc coi các di sản/danh hiệu UNESCO như hạ tầng chiến lược cho phát triển bền vững, kết hợp khoa học - cộng đồng - quản trị nhiều bên, tạo nền tảng để UNESCO trở thành tác nhân trung tâm trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Bên cạnh nước Anh, Thái Lan là quốc gia có sự tham gia đa dạng và toàn diện vào các chương trình, mạng lưới và danh hiệu của UNESCO, biến UNESCO thành một công cụ chính sách mềm quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Hiện nay, Thái Lan có 10 thành phố thành viên Mạng lưới các thành phố học tập toàn cầu (GNLC), bao gồm Bangkok, Chachoengsao, Chiang Mai, Chiang Rai, Hat Yai, Khon Kaen, Phayao, Phuket, Sukhothai và Yala²¹. Các thành phố này không chỉ đi đầu trong việc thúc đẩy giáo dục suốt đời, mà còn khẳng định vai trò của giáo dục như một trụ cột trung tâm để đạt các mục tiêu phát triển bền vững. Thái Lan cũng tích cực phát huy sức mạnh của Mạng lưới các Thành phố sáng tạo của UNESCO với năm địa phương: Bangkok (thiết kế), Chiang Mai và Sukhothai (thủ công và nghệ thuật dân gian), Phuket và Phetchaburi (ẩm thực)²². Đây là minh chứng rõ rệt cho cách tiếp cận “liên ngành”, khi UNESCO được khai thác để gắn kết bảo tồn di sản với phát triển các ngành công nghiệp sáng tạo, qua đó góp phần tăng trưởng kinh tế, nâng cao sinh kế địa phương, đồng thời gìn giữ và quảng bá bản sắc văn hóa Thái.

Một điểm nổi bật trong cách Thái Lan tận dụng UNESCO là chú trọng đến giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD) và giáo dục công dân toàn cầu (GCED). Hằng năm, Bộ Giáo dục Thái Lan tổ chức các hội thảo dành cho giáo viên trong mạng lưới các trường liên kết ASPnet, nhằm tăng cường năng lực giảng dạy về SDGs và các vấn đề toàn cầu. Trong Hội thảo năm 2022, Thái Lan đã đưa giáo viên tiếp cận trực tiếp với các khu vực và địa phương có danh hiệu UNESCO như thành phố sáng tạo Phetchaburi, thành phố di sản Sukhothai, Công viên địa chất toàn cầu Khorat

²¹ https://www.uil.unesco.org/en/learningcities/grid?fq%5Bsm_unsc_field_ref_countries_label%5D%5B%5D=Thailand&query=&op=Search.

²² <https://thailand.prd.go.th/en/content/category/detail/id/2078/iid/187879>.

hay Khu dự trữ sinh quyển Sakaerat. Cách làm này biến các danh hiệu UNESCO thành “lớp học ngoài trời”, giúp giáo viên và học sinh trải nghiệm thực tiễn thay vì chỉ học qua lý thuyết.

Không chỉ dừng ở giáo dục, Thái Lan còn tận dụng UNESCO như một nền tảng để thúc đẩy đối thoại chính sách và gắn kết khu vực. Hội nghị Thành phố học tập (tháng 4/2023), do Quỹ Giáo dục Bình đẳng (Equitable Education Fund) tổ chức cùng sự hỗ trợ của Văn phòng UNESCO Bangkok và Bộ Giáo dục Thái Lan, đã trở thành diễn đàn chia sẻ các sáng kiến, mô hình học tập sáng tạo. Đặc biệt, Hội nghị này đã nhấn mạnh vai trò của GNLC trong việc bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, một vấn đề có ý nghĩa thiết thực đối với phát triển bền vững. Trong khuôn khổ hội nghị, Thái Lan còn triển khai chương trình học bổng và trao đổi cán bộ giữa các Ủy ban Quốc gia UNESCO trong khu vực, đồng thời tổ chức các chuyến tham quan thực địa tới di sản thế giới như Công viên lịch sử Sukhothai và Thành phố lịch sử Ayutthaya. Đây là minh chứng cho cách Thái Lan kết hợp linh hoạt giữa di sản - giáo dục - hợp tác quốc tế, qua đó nâng tầm vai trò UNESCO thành một công cụ thúc đẩy hợp tác khu vực và củng cố ngoại giao văn hóa.

Từ thực tiễn của Thái Lan, có thể rút ra một số bài học quan trọng: Thứ nhất, việc tham gia toàn diện vào các mạng lưới và chương trình UNESCO cho phép quốc gia tối đa hóa lợi ích, đồng thời tạo sự cộng hưởng giữa các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và môi trường; Thứ hai, các danh hiệu UNESCO chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi gắn liền với giáo dục và sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Một số thành tựu nổi bật trong quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và UNESCO

Trong giai đoạn hợp tác ban đầu (1976-1986), Việt Nam phải gánh chịu hậu quả nặng nề trên mọi mặt kinh tế - xã hội: nhân lực cạn kiệt, cơ sở hạ tầng bị tàn phá nặng nề, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp với trình độ công nghệ thấp, bị bao vây cấm vận và sự chống phá rất quyết liệt của các lực lượng thù địch²³. Trong bối cảnh đó, UNESCO là một trong những cánh cửa quan trọng mở ra thế giới, một kênh quốc tế hiếm hoi để một mặt tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, mặt khác tận dụng như một

²³ Lê Công Phụng, Thứ trưởng thường trực Bộ ngoại giao, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, “Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam, 30 năm - những chặng đường phát triển”, *Kỷ yếu 30 năm Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam* (2007), 4.

diễn đàn, nơi tiếp xúc, nhằm bày tỏ chính nghĩa của ta, hạn chế những hậu quả của các chính sách thù địch đối với Việt Nam²⁴.

Từ năm 1986, quan hệ hợp tác với UNESCO trở thành một kênh hữu hiệu triển khai đường lối đối ngoại mở cửa, là động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới tư duy, thể chế chính sách và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế. Sau khi Liên hợp quốc thông qua Chương trình nghị sự 2030. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 (Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017), với 17 mục tiêu và 115 chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam²⁵, trong đó có Mục tiêu 11.4: Tăng cường bảo vệ và bảo đảm an toàn các di sản văn hóa và thiên nhiên của thế giới và các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận (Mục tiêu 11.4 toàn cầu). Vì vậy, UNESCO đã và đang là một trong những đối tác để hỗ trợ Việt Nam thực hiện mục tiêu Phát triển bền vững.

Trong một thập kỷ gần đây, Việt Nam tích cực triển khai nhiều chương trình, sáng kiến hướng đến phát triển bền vững trên tất cả các lĩnh vực thẩm quyền của UNESCO cho thấy mức độ gắn kết ngày càng sâu sắc trong chính sách và hành động. Hợp tác giữa Việt Nam và UNESCO ngày càng toàn diện, góp phần quan trọng quảng bá hình ảnh Việt Nam và tranh thủ nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững. UNESCO là một tổ chức quốc tế đồng hành rất hiệu quả với các dự án không thể thiếu được cho sự nghiệp phát triển bền vững trong nhiều quốc gia thành viên, nhất là các quốc gia đang phát triển hay đang trong quá trình chuyển đổi²⁶.

²⁴ Lê Kinh Tài, Tổng Thư ký Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, “UNESCO - con đường hội nhập vì phát triển bền vững”, *Kỷ yếu 30 năm Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam* (2007), 13.

²⁵ Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 622/QĐ-TTg về Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững* (10/5/2017).

²⁶ PGS.TS. Dương Văn Quảng, “Quan hệ Việt Nam - UNESCO và một số bài học rút ra”, *Tọa đàm “Hướng tới 50 năm quan hệ Việt Nam và UNESCO: thành tựu, bài học kinh nghiệm và định hướng hợp tác thời gian tới* (2025).

Trong lĩnh vực giáo dục: Giáo dục vì sự phát triển bền vững và học tập suốt đời

UNESCO đã hỗ trợ Việt Nam thực hiện nhiều chương trình mang tính chiến lược nhằm thúc đẩy giáo dục toàn diện, lấy người học làm trung tâm, và lồng ghép các nguyên tắc phát triển bền vững vào chương trình giảng dạy.

UNESCO đã hỗ trợ Việt Nam thực hiện các dự án: phổ cập giáo dục tiểu học; canh tân giáo dục phục vụ phát triển; dân chủ hóa và xóa bất bình đẳng trong giáo dục; giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề với mô hình Trung tâm học tập cộng đồng nhằm xóa đói giảm nghèo và nâng cao năng lực tham gia phát triển cộng đồng cho người nghèo; giáo dục thường xuyên; xây dựng mạng lưới các trường liên kết theo đó tích hợp các nội dung giáo dục hiểu biết quốc tế, văn hóa hòa bình, bảo vệ di sản và thúc đẩy “giáo dục cho mọi người” (education for all) vào các môn học vừa để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, vừa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới²⁷.

Từ năm 2005, trong khuôn khổ Thập kỷ Giáo dục vì Phát triển bền vững 2005-2014, Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động cụ thể nhằm thúc đẩy công cuộc cải cách giáo dục, làm cho giáo dục đáp ứng các đòi hỏi yêu cầu phát triển của đất nước. Sau đó, Việt Nam tiếp tục triển khai Khung hành động Giáo dục vì Phát triển bền vững 2030 giai đoạn 2020 - 2030. UNESCO đã hỗ trợ tổ chức nhiều hội thảo, đào tạo giáo viên và xây dựng các tài liệu giáo dục tích hợp chủ đề như biến đổi khí hậu, bình đẳng giới và công dân toàn cầu vào sách giáo khoa phổ thông. Năm 2016, Nguyễn Quang Thạch trở thành người Việt Nam đầu tiên được UNESCO trao giải Vua Sejong về xóa mù chữ của UNESCO (The UNESCO King Sejong Literacy Prize)²⁸.

Thông qua việc tham gia Mạng lưới Thành phố học tập toàn cầu (Global Network of Learning Cities - GNLC), các địa phương như thành phố Sa Đéc, thành phố Vinh, thành phố Cao Lãnh, thành phố Sơn La và thành phố Hồ Chí Minh, đã xây dựng các mô hình học tập cộng đồng, trung tâm học tập suốt đời, kết hợp giữa giáo dục chính quy và phi chính quy để tiếp cận người học ở mọi lứa tuổi và hoàn cảnh.

²⁷ Lê Kinh Tài, Tổng Thư ký Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, “UNESCO - con đường hội nhập vì phát triển bền vững”, *Kỷ yếu 30 năm Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam* (2007), 14.

²⁸ Mi Ly, “Nguyễn Quang Thạch: 20 năm “công sách” và giải thưởng UNESCO”, *Báo Tuổi trẻ* (02/9/2016). <https://tuoitre.vn/nguyen-quang-thach-20-nam-cong-sach-va-giai-thuong-unesco-1164724.htm>.

UNESCO hỗ trợ cải cách giáo dục nghề nghiệp, nâng cao năng lực số cho giáo viên và học sinh, cũng như thúc đẩy giáo dục cho nhóm yếu thế, cho trẻ em gái người dân tộc thiểu số thông qua các dự án như “We are able”. Với sự hỗ trợ của UNESCO, Việt Nam trở thành một trong những quốc gia nỗ lực hàng đầu để phát triển các chương trình học tập suốt đời với hàng loạt chính sách quan trọng, những thành phố học tập toàn cầu²⁹.

Đặc biệt, UNESCO đã cử chuyên gia tư vấn, xây dựng, hoàn thiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045³⁰. Luật Nhà giáo, vừa được Quốc hội thông qua ngày 16/6/2025, cũng nhận được sự hỗ trợ về chuyên môn từ các chuyên gia UNESCO, tạo nên bước ngoặt pháp lý mang ý nghĩa quan trọng đối với nghề giáo.

Trong lĩnh vực văn hóa: Bảo tồn phát huy giá trị di sản, thúc đẩy sáng tạo và đa dạng văn hóa

Nhận thức rõ văn hóa là một trụ cột chính bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước và là yếu tố quan trọng trong việc đề cao và xây dựng hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế, Việt Nam đã tổ chức nhiều hoạt động hưởng ứng Thập kỷ quốc tế Phát triển văn hóa (1988-1997) của UNESCO, qua đó nghiên cứu có chọn lọc những kinh nghiệm, giá trị quý báu của các nền văn hóa thế giới làm cơ sở tham khảo để xây dựng Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”.

Việt Nam lần lượt tham gia các công ước UNESCO về văn hóa thiên nhiên thế giới, văn hóa phi vật thể, sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa vào các năm 1987, 2005 và 2007³¹. Đây là cơ sở quan trọng mang tính chiến lược, góp phần giới thiệu

²⁹ Nguyễn Tiến Dũng, “Định hướng hợp tác trong lĩnh vực giáo dục từ nay đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và giải pháp phát huy vai trò Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và UNESCO”, *Tọa đàm “Hướng tới 50 năm quan hệ Việt Nam và UNESCO: thành tựu, bài học kinh nghiệm và định hướng hợp tác thời gian tới (7/2025)*.

³⁰ Nguyễn Tiến Dũng, “Định hướng hợp tác trong lĩnh vực giáo dục từ nay đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và giải pháp phát huy vai trò Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và UNESCO”, *Tọa đàm “Hướng tới 50 năm quan hệ Việt Nam và UNESCO: thành tựu, bài học kinh nghiệm và định hướng hợp tác thời gian tới (7/2025)*.

³¹ Đỗ Trang, “Hành trình Việt Nam thực hiện các Công ước của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa”, *Báo Pháp luật Việt Nam* (30/10/2022). <https://baophapluat.vn/hanh-trinh-viet-nam-thuc-hien-cac-cong-uoc-cua-unesco-ve-bao-ve-di-san-van-hoa-post456833.html>.

bản sắc văn hóa dân tộc và góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội của Việt Nam.

UNESCO đóng vai trò then chốt trong việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa và thiên nhiên tại Việt Nam. Tính đến năm 2025, Việt Nam có 09 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận³². Không chỉ dừng lại ở việc công nhận, UNESCO cùng với các đối tác hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức các chương trình đào tạo chuyên gia về bảo tồn, phát triển du lịch di sản bền vững, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương trong công tác bảo tồn. Mô hình kết hợp giữa phát triển kinh tế và du lịch bền vững tại Tràng An, Hội An, Cù Lao Chàm đã chứng minh tính hiệu quả khi vừa tạo sinh kế, vừa góp phần bảo tồn lâu dài giá trị văn hóa và sinh thái.

Ngoài di sản vật thể, UNESCO cũng là đối tác chính trong việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam. 16 di sản văn hóa phi vật thể³³ được UNESCO ghi danh là động lực thúc đẩy hoàn thiện chính sách văn hóa tại Việt Nam theo hướng bảo tồn gắn với phát triển bền vững đồng thời đặt ra yêu cầu cho chính quyền địa phương quan tâm, đầu tư hơn nữa cho công tác bảo tồn, phục dựng và truyền dạy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, tạo sức sống mới cho thế hệ trẻ, từ đó góp phần khơi dậy lòng tự hào dân tộc và tinh thần yêu nước.

Cùng với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản, UNESCO khuyến khích Việt Nam phát triển các ngành công nghiệp văn hóa – sáng tạo, đặc biệt trong lĩnh vực như điện ảnh, mỹ thuật, âm nhạc, và thủ công truyền thống. Việc thành phố Hà Nội, Đà Lạt và Hội An tham gia Mạng lưới các thành phố sáng tạo UNESCO mở ra cơ hội mới cho phát triển kinh tế sáng tạo tại địa phương, gắn kết giữa truyền thống và đổi mới.

Trong lĩnh vực khoa học: Khoa học mở, khu dự trữ sinh quyển và thích ứng biến đổi khí hậu

Khoa học là một trong những trụ cột quan trọng trong hợp tác giữa Việt Nam và UNESCO, đặc biệt trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với những thách thức cấp

³² Cục Ngoại vụ và Ngoại giao văn hóa, *Danh sách các di sản/danh hiệu UNESCO của Việt Nam* (2025).

³³ Cục Ngoại vụ và Ngoại giao văn hóa, *Danh sách các di sản/danh hiệu UNESCO của Việt Nam* (2025).

bách đến từ biến đổi khí hậu và sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ.

UNESCO hỗ trợ Việt Nam trong việc phát triển “khoa học mở” (open science) nhằm thu hẹp khoảng cách tiếp cận tri thức giữa các quốc gia, khu vực và cộng đồng. Việt Nam đã tham gia thảo luận và góp ý cho Khuyến nghị về Khoa học mở của UNESCO (UNESCO Recommendation on Open Science) - một văn kiện toàn cầu được thông qua năm 2021 nhằm thúc đẩy việc chia sẻ dữ liệu, công bố mở, và minh bạch trong nghiên cứu khoa học. Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên thử nghiệm Bộ công cụ đánh giá đạo đức trong trí tuệ nhân tạo của UNESCO³⁴. Bên cạnh đó, UNESCO giúp Việt Nam tăng cường hợp tác quốc tế để đẩy mạnh công tác bảo tồn biển, quy hoạch không gian biển và sử dụng bền vững đại dương, biển và các nguồn tài nguyên biển, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên, Việt Nam là quốc gia đi đầu trong khu vực Đông Nam Á về xây dựng các Khu dự trữ sinh quyển thế giới. Tính đến năm 2025, Việt Nam có 11 khu dự trữ sinh quyển thế giới³⁵ được UNESCO công nhận - là mô hình tiêu biểu trong cân bằng giữa bảo tồn sinh thái và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Đáng chú ý, UNESCO đã hỗ trợ xây dựng và vận hành 04 Công viên địa chất toàn cầu tại Việt Nam: Cao nguyên đá Đồng Văn, Non nước Cao Bằng, Đắk Nông và Lạng Sơn. Đây là những không gian văn hóa, du lịch quan trọng, không chỉ góp phần bảo tồn thiên nhiên, mà còn thúc đẩy phát triển bền vững dựa trên tri thức bản địa và sinh kế cộng đồng.

Các Trung tâm Khoa học dạng 2 về Toán học, Vật lý và Trung tâm nghiên cứu và đào tạo VinUniversity đảm nhiệm UNESCO Chair về lãnh đạo môi trường, di sản văn hóa và đa dạng sinh học tại Việt Nam được UNESCO bảo trợ đang vận hành hiệu

³⁴ Vũ Tú Quyên, “Định hướng hợp tác trong lĩnh vực khoa học tự nhiên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và phát huy vai trò của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam”, *Tọa đàm “Hướng tới 50 năm quan hệ Việt Nam và UNESCO: thành tựu, bài học kinh nghiệm và định hướng hợp tác thời gian tới, 2025*.

³⁵ Cục Ngoại vụ và Ngoại giao văn hóa, *Danh sách các di sản/danh hiệu UNESCO của Việt Nam (2025)* (Cần Giờ, Đồng Nai, châu thổ sông Hồng, Cát Bà, Kiên Giang, Tây Nghệ An, Cù Lao Chàm, Mũi Cà Mau, Lang Biang, Núi Chúa, Kon Hà Nừng).

quả, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cơ bản, đào tạo tài năng trẻ, và kết nối với các mạng lưới học thuật quốc tế.

Trong lĩnh vực thông tin và truyền thông: bảo tồn và phát huy giá trị di sản tư liệu

Trong nhiều năm, UNESCO hỗ trợ phát triển năng lực cho nhà báo, biên tập viên và những người làm truyền thông chuyên nghiệp đồng thời khuyến khích Việt Nam tham gia, tăng cường hợp tác trong khuôn khổ các Chương trình quốc tế phát triển truyền thông (International Programme for the Development of Communication), Chương trình thông tin cho mọi người (Information for All Programme), Chương trình kiến thức thông tin truyền thông toàn cầu (Media and Information Literacy). UNESCO đã phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (trước đây là Bộ Thông tin và Truyền thông), tổ chức nhiều khoá tập huấn cho phóng viên báo chí về kỹ năng số trong đưa tin tuyên truyền về di sản; tập huấn kỹ năng số cho thanh niên³⁶.

Chương trình Ký ức thế giới do UNESCO khởi xướng năm 1992³⁷ nhằm bảo tồn và phát huy giá trị các tài liệu lưu trữ và di sản tư liệu có ý nghĩa quan trọng đối với lịch sử nhân loại. Việt Nam là một trong những quốc gia tham gia tích cực và hiệu quả vào Chương trình này. Tính đến nay, Việt Nam sở hữu 11 di sản tư liệu³⁸ được UNESCO ghi danh vào Danh mục Ký ức Thế giới ở cấp độ toàn cầu và khu vực. Việc UNESCO công nhận các di sản tư liệu góp phần quan trọng nâng cao nhận thức xã hội về bảo tồn tư liệu lưu trữ, khuyến khích số hóa và giáo dục di sản trong cộng đồng. Thông qua Chương trình, Việt Nam có nhiều cơ hội tăng cường hợp tác quốc tế về bảo tồn tư liệu cổ, đào tạo chuyên gia và chia sẻ kinh nghiệm lưu trữ hiện đại.

Một số thách thức trong quá trình hợp tác

Bên cạnh các thành tựu đáng ghi nhận, quá trình triển khai hợp tác giữa Việt Nam và UNESCO cũng đối diện với một số thách thức cả về thể chế, năng lực và nguồn lực.

³⁶ Tình Lê, “Tiểu ban Thông tin UNESCO Việt Nam tập trung đào tạo năng lực số cho phóng viên”, *báo Vietnamnet* (25/1/2024). <https://vietnamnet.vn/tieu-ban-thong-tin-unesco-viet-nam-tap-trung-dao-cao-nang-luc-so-cho-phong-vien-2243532.html>.

³⁷ <https://www.unesco.org/en/memory-world/about?hub=1081>.

³⁸ Cục Ngoại vụ và Ngoại giao văn hóa, *Danh sách các di sản/danh hiệu UNESCO của Việt Nam* (2025).

Thứ nhất, phần lớn các dự án do UNESCO và các đối tác quốc tế hỗ trợ chỉ mang tính thí điểm, quy mô nhỏ, phụ thuộc vào viện trợ bên ngoài. Khi kết thúc tài trợ, nhiều mô hình không được duy trì lâu dài do thiếu ngân sách duy trì, thiếu đội ngũ có chuyên môn và chưa có cơ chế lồng ghép vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Thứ hai, phát triển bền vững đòi hỏi cách tiếp cận liên ngành nhưng trên thực tế, sự phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương trong triển khai các chương trình hợp tác UNESCO còn rời rạc. Mỗi lĩnh vực (giáo dục, văn hóa, khoa học, thông tin-truyền thông) thường do một bộ ngành phụ trách riêng, dẫn đến tình trạng thiếu đồng bộ, chồng chéo hoặc bỏ sót cơ hội lồng ghép. Tư duy, cách tiếp cận trong quan hệ hợp tác với UNESCO của các ban, bộ, ngành chuyển biến chậm so với chuyển biến của tình hình khu vực, quốc tế và tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước.

Thứ ba, nhận thức về vai trò của UNESCO vẫn chủ yếu giới hạn ở việc “ghi danh di sản”, chưa thấy rõ những đóng góp chiến lược của UNESCO trong giáo dục, khoa học, đổi mới sáng tạo, thông tin - truyền thông, công nghệ số... Điều này hạn chế tính chủ động của một số bộ, ngành, địa phương trong đề xuất tham gia nhiều chương trình lớn của UNESCO và trong triển khai và duy trì các sáng kiến, mô hình phát triển bền vững của UNESCO tại Việt Nam.

Thứ tư, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam giữ vai trò nòng cốt trong điều phối, làm đầu mối liên hệ giữa UNESCO và các cơ quan trong nước³⁹. Trong những năm gần đây, Ủy ban đã chủ động, tích cực tham mưu về chính sách, hỗ trợ xây dựng hồ sơ di sản, kết nối các bên liên quan trong nước với mạng lưới quốc tế của UNESCO. Tuy nhiên, sau khi sắp xếp lại về cơ cấu và nhân sự của một số bộ, ngành đã có một số thay đổi trong thành phần và nhân sự Ủy ban và một số quy định trong các văn bản pháp lý liên quan không còn phù hợp với bối cảnh và yêu cầu mới của đất nước, cần được xem xét điều chỉnh kịp thời.

³⁹ Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 194/QĐ-TTg về việc kiện toàn Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam*, (30/01/2011).

Một số đề xuất định hướng hợp tác đến năm 2030

Trong bối cảnh thế giới đang chuyển biến phức tạp và khó lường như hiện nay, vai trò của hợp tác đa phương quan trọng hơn bao giờ hết. Tại UNESCO, các quốc gia thành viên đều khẳng định vai trò quan trọng của Tổ chức trong duy trì hòa bình và giải quyết các thách thức toàn cầu, đặc biệt thúc đẩy phát triển bền vững trong các lĩnh vực thẩm quyền. Với Việt Nam, giai đoạn đến năm 2030 là thời điểm then chốt để hiện thực hóa Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc, đồng thời triển khai các chiến lược quốc gia trong giáo dục, khoa học, văn hóa và đổi mới sáng tạo. Hợp tác với UNESCO cần được định hướng một cách chủ động, có tính chiến lược, gắn kết với ưu tiên quốc gia và tận dụng được nguồn lực của tổ chức quốc tế này. Dưới đây gợi ý một số định hướng chính:

Thứ nhất, cần tiếp tục tăng cường lồng ghép các chương trình và khuyến nghị của UNESCO vào các chương trình mục tiêu quốc gia, kế hoạch phát triển ngành và địa phương. Đồng thời, việc thực hiện các Chiến lược Phát triển văn hóa đến năm 2030, Chiến lược Phát triển giáo dục đến năm 2030, Chiến lược Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030... cần tham chiếu đến các khuyến nghị và các chương trình, sáng kiến mới của UNESCO, từ đó tận dụng được nguồn tri thức toàn cầu và gia tăng hiệu quả triển khai.

Thứ hai, một trong những định hướng hợp tác chiến lược quan trọng trong thời gian tới là tiến tới ký kết Bản Ghi nhớ hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Tổ chức UNESCO giai đoạn 2026-2030 trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả triển khai Bản Ghi nhớ hợp tác giữa hai bên giai đoạn 2021-2025. Bản Ghi nhớ giai đoạn 2026-2030 sẽ là khuôn khổ pháp lý quan trọng nhằm xác định các nội dung ưu tiên trong quan hệ hợp tác giữa hai bên trên các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, khoa học và thông tin - truyền thông, đảm bảo tính thống nhất, lâu dài và hiệu quả, hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững của đất nước trong thời gian tới.

Thứ ba, tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam theo hướng chuyên nghiệp hóa, có ngân sách hoạt động ổn định và cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành và địa phương. Để đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới,

Ủy ban cần được củng cố về tổ chức, ngân sách hoạt động và năng lực chuyên môn. Việc sửa đổi Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 về việc kiện toàn Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam là một bước quan trọng để Ủy ban giữ vai trò trung tâm, có đủ thẩm quyền và năng lực điều phối các hoạt động của bộ, ngành, địa phương và huy động sự tham gia hiệu quả của cộng đồng, chuyên gia và doanh nghiệp.

Thứ tư, cần tăng cường giáo dục và truyền thông về UNESCO và về phát triển bền vững, đặc biệt trên nền tảng số, mạng xã hội để nâng cao hiểu biết và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng. Việc phổ biến các câu chuyện điển hình, các mô hình thành công và sự đóng góp của UNESCO đối với sự phát triển của Việt Nam sẽ góp phần tăng cường sự hiểu biết, sự ủng hộ và tham gia tích cực của người dân và doanh nghiệp vào các sáng kiến chung. Đây chính là chìa khóa để xây dựng một cộng đồng chủ động, sáng tạo và đồng hành cùng các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 và xa hơn nữa.

Thứ năm, thúc đẩy hợp tác ba bên giữa UNESCO - Việt Nam - các đối tác. Một định hướng quan trọng là mở rộng mô hình hợp tác ba bên, trong đó UNESCO giữ vai trò hỗ trợ chuyên môn, chuyên gia và kỹ thuật; Việt Nam giữ vai trò điều phối; các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu là đối tác triển khai. Điều này giúp huy động thêm nguồn lực, tăng hiệu quả thực thi và tăng cường trách nhiệm xã hội trong phát triển bền vững.

Kết luận

UNESCO là “ngôi nhà trí tuệ của nhân loại”, luôn kiên định sứ mệnh “xây dựng hòa bình trong tâm trí con người”⁴⁰ và giữ vai trò duy trì hòa bình, an ninh và phát triển bền vững trong một thế giới nhiều biến động. Trong gần 50 năm thiết lập quan hệ hợp tác, UNESCO đã đồng hành và hỗ trợ Việt Nam trên con đường hội nhập quốc tế và hướng tới các mục tiêu phát triển của đất nước. UNESCO đã thúc đẩy quá trình phát triển bền vững tại Việt Nam thông qua các chương trình, sáng kiến, dự án và cơ chế hợp tác đa dạng trên các lĩnh vực giáo dục, khoa học, văn hóa và thông tin - truyền thông. Những hỗ trợ của UNESCO không chỉ góp phần đổi mới

⁴⁰ UNESCO, *Constitution of UNESCO* (1945) <https://www.unesco.org/en/legal-affairs/constitution>.

tư duy, nâng cao nhận thức và năng lực thể chế của Việt Nam, mà còn giúp tạo ra những mô hình phát triển bền vững hiệu quả.

Để phát huy hơn nữa vai trò của UNESCO trong giai đoạn đến năm 2030, Việt Nam cần chủ động và sáng tạo hơn trong việc tham gia và triển khai các chương trình, sáng kiến của UNESCO, củng cố cơ chế điều phối liên ngành và huy động hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước. Hợp tác với UNESCO cần được tiếp cận một cách chiến lược, lâu dài, không chỉ để tận dụng sự hỗ trợ quốc tế mà còn khẳng định vai trò, vị thế của Việt Nam như một quốc gia thành viên tích cực và chủ động đóng góp vào công việc chung của khu vực và thế giới

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

Cục Ngoại vụ và Ngoại giao văn hóa. *Danh sách các di sản/danh hiệu UNESCO của Việt Nam*, 2025.

PGS.TS. Dương Văn Quảng. “Quan hệ Việt Nam - UNESCO và một số bài học rút ra.”

Tọa đàm “Hướng tới 50 năm quan hệ Việt Nam và UNESCO: thành tựu, bài học kinh nghiệm và định hướng hợp tác thời gian tới, 7/2025.

Đỗ Trang. “Hành trình Việt Nam thực hiện các Công ước của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa.” *Báo Pháp luật Việt Nam*, 30/10/2022.

<https://baophapluat.vn/hanh-trinh-viet-nam-thuc-hien-cac-cong-uoc-cua-unesco-ve-bao-ve-di-san-van-hoa-post456833.html>

Lê Công Phụng, Thứ trưởng thường trực Bộ Ngoại giao, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam. “30 năm - những chặng đường phát triển.” *Kỷ yếu 30 năm Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam*, 2007.

Lê Kinh Tài, Tổng Thư ký Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam. “UNESCO - con đường hội nhập vì phát triển bền vững.” *Kỷ yếu 30 năm Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam*, 2007.

Lê Kinh Tài. “Đề xuất giải pháp phát huy vai trò Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam trong thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và UNESCO.” *Tọa đàm “Hướng tới 50 năm quan hệ Việt Nam và UNESCO: thành tựu, bài học kinh nghiệm và định hướng hợp tác thời gian tới*, 7/2025.

- Nguyễn Tiến Dũng. “Định hướng hợp tác trong lĩnh vực giáo dục từ nay đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và giải pháp phát huy vai trò Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và UNESCO.” *Tọa đàm “Hướng tới 50 năm quan hệ Việt Nam và UNESCO: thành tựu, bài học kinh nghiệm và định hướng hợp tác thời gian tới, 2025*.
- GS. TS. Phạm Xuân Nam. “Mấy kỷ niệm trong thời gian tham gia hoạt động tại Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam.” *Kỷ yếu 35 Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam*. Hà Nội: NXB. Thanh niên, 2012.
- Thủ tướng Chính phủ. *Quyết định số 622/QĐ-TTg về Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*, 2017.
- Thủ tướng Chính phủ. *Quyết định số 194/QĐ-TTg về việc kiện toàn Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam*, 2011.
- Tình Lê. “Tiểu ban Thông tin UNESCO Việt Nam tập trung đào tạo năng lực số cho phóng viên.” *Vietnamnet*, 25/1/2024. <https://vietnamnet.vn/tieu-ban-thong-tin-unesco-viet-nam-tap-trung-dao-tao-nang-luc-so-cho-phong-vien-2243532.html>
- Trịnh Quỳnh Trang. “Thành công về Hợp tác quốc tế trong khoa học và công nghệ giữa Việt Nam và UNESCO.” *Tạp chí Khoa học - Công nghệ và Đổi mới sáng tạo*, 8/2022.
<https://vjst.vn/vn/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=6475&tieude=dau-an-thanh-cong-ve-hop-tac-quoc-te-trong-khcn-giua-viet-nam-va-unesco.aspx>
- Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam. *40 năm Việt Nam và UNESCO*. Hà Nội: Nhà xuất bản văn hóa, 2017.
- Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam. *Báo cáo tổng kết hoạt động của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam năm 2023 và phương hướng hoạt động trong năm 2024*, 2024.
- Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam. *Báo cáo tổng kết hoạt động của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam năm 2024 và phương hướng hoạt động trong năm 2025*, 2025.
- Vũ Tú Quyên. “Định hướng hợp tác trong lĩnh vực khoa học tự nhiên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và phát huy vai trò của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt

Nam.” Tọa đàm “Hướng tới 50 năm quan hệ Việt Nam và UNESCO: thành tựu, bài học kinh nghiệm và định hướng hợp tác thời gian tới, 7/2025.

Tiếng Anh

Phichet Phophakdee. “UNESCO Designations and Sustainable Development: International Experience.” *International Conference on Harnessing UNESCO Designations for Sustainable Development in Viet Nam*, 7/2023.

United Kingdom National Commission for UNESCO. “UNESCO sites for sustainable development.” *International Conference on harnessing unesco designations for sustainable development in Viet Nam*, 7/2023.

UNESCO. *Constitution of UNESCO*, 1945. <https://www.unesco.org/en/legal-affairs/constitution>.

UNESCO. *Education 2030: Incheon Declaration and Framework for Action for the implementation of Sustainable Development Goal 4*, 2015.

UNESCO. *Medium-Term Strategy for 2022-2029 (41 C/4)*, 2022.

UNESCO. *Roadmap for Implementing the Global Action Programme on Education for Sustainable Development*, 2014.

UNESCO. *World Commission on Environment and Development (WCED)*, Oxford University Press, 1987.

United Nations. *Transforming our world: the 2030 Agenda for Sustainable Development. Resolution adopted by the UN General Assembly*, 2015.

United Nations Secretary General. *World Commission on Environment and Development, Report of the World Commission on Environment and Development: note by the Secretary-General*, 04/8/1987.

<https://unesco.org.uk/projects/scotlands-unesco-trail>.

https://www.uil.unesco.org/en/learning-cities/grid?fq%5Bsm_unsc_field_ref_countries_label%5D%5B%5D=Thailand&query=&op=Search.

<https://thailand.prd.go.th/en/content/category/detail/id/2078/iid/187879>.